

螺旋挂缆

规格

塑料,带两枚扣环

螺旋挂缆
塑料 (聚胺酯 PUR)
黑色

调整片
铜制, 镀锡

扣环
AISI 301 不锈钢

信息

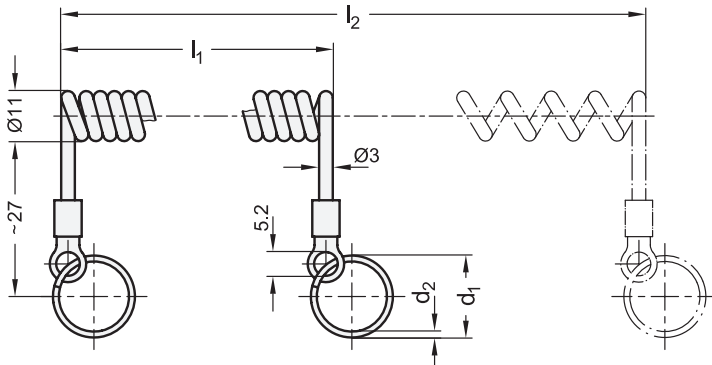
GN 111.4 螺旋挂缆用于连接重量较轻的元件, 如带轴向锁定的销和滚珠锁销。
显著特征为“可用长度” l_2 大。
扣环供货时未装配。两个扣环具有相同直径 $\varnothing d_1$ 。
静态载荷的细节是没有保证给出的指导值。

附件

- 扣环GN 111.3 (参见页 903)



适用于滚珠锁销和轴向锁销 $\varnothing$										
d1	GN 113.1, GN 113.3, GN 113.4, GN 113.7, GN 113.8, GN 113.9, GN 113.10	GN 113.5, GN 113.6	GN 113.11 GN 113.12	GN 114.2, GN 114.3, GN 114.6	GN 114.7, GN 114.8	GN 114.11, GN 114.12	GN 124.1, GN 124.2	GN 124.3	GN 214.2, GN 214.3, GN 214.6	GN 314
14	5 / 6 / 8	all	5 / 6 / 8 / 10	all	6 / 8	6 / 8 / 10 / 12	all	8 / 10	6 / 8	-
18	10 / 12 / 16 / 20 / 25	-	12 / 16	-	10 / 12 / 16 / 20	16 / 20	-	10 / 12	10 / 12 / 16 / 20 / 25	8 / 10 / 12
24	-	-	20 / 25	-	-	-	-	-	-	16 / 20
30	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-



GN 111.4

说明	$l_1 \approx$	d1	$l_2 \text{ max. } \approx$	d2	静载荷 N $\approx$ 带扣环	静载荷 N $\approx$ 不带扣环	△
GN 111.4-50-14	50	14	250	1	50	60	8
GN 111.4-50-18	50	18	250	1.3	60	60	10
GN 111.4-50-24	50	24	250	1.5	60	60	11
GN 111.4-100-14	100	14	500	1	50	60	10
GN 111.4-100-18	100	18	500	1.3	60	60	12
GN 111.4-100-24	100	24	500	1.5	60	60	13
GN 111.4-200-14	200	14	1000	1	50	60	17
GN 111.4-200-18	200	18	1000	1.3	60	60	17
GN 111.4-200-24	200	24	1000	1.5	60	60	18